

Số: 740/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng
cho sinh viên CĐLT các khoá cũ
(Đợt xét Tháng 11/2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp.HCM;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 65 sinh viên các khóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 21C2: 02 sinh viên
2. Khóa 22C2: 09 sinh viên
3. Khóa 22C2B: 54 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đủ chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN LTCĐ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT XÉT THÁNG 11/2024**

(Kèm theo Quyết định số 740/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 11 năm 2024
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
1	21002571	Dương Văn Phi	Long	Nam	27/5/2003	TP.HCM	Kinh	21C2-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,25		Khá	
2	21004533	Phạm Trương Hữu	Thiện	Nam	05/8/2003	TP.HCM	Kinh	21C2-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,30		Trung bình	
3	22000139	Dương Tấn	Khang	Nam	19/9/2003	TP.HCM	Kinh	22C2-CNÔ1	IC3	TOEIC 350		2,60	Trung bình	
4	22000442	Lê Minh	Danh	Nam	11/01/2003	TP.HCM	Kinh	22C2-CNÔ1				2,14	Trung bình	
5	22000356	Đoàn Hoàng	Gia	Nam	04/02/2003	TP.HCM	Kinh	22C2-CNÔ1	IC3	B		2,63	Khá	
6	22000187	Nguyễn Thạch	Hoàng	Nam	06/12/2003	TP.HCM	Kinh	22C2-CNÔ1				2,22	Trung bình	
7	22000325	Lương Anh	Huy	Nam	01/7/2003	TP.HCM	Kinh	22C2-CNÔ1	A	TOEIC 350		2,27	Trung bình	
8	22000040	Nguyễn Vũ Trung	Hiếu	Nam	15/11/2001	Đồng Nai	Kinh	22C2-ĐCN1		TOEIC 350		2,60	Khá	
9	22000044	Tôn Thất Hoàng	Long	Nam	01/5/2001	TP.HCM	Kinh	22C2-ĐCN1		TOEIC 350		3,04	Giỏi	
10	22000377	Phạm Lê	Nam	Nam	30/7/2003	TP.HCM	Kinh	22C2-ĐCN1	IC3	B		2,24	Trung bình	
11	22000032	Lâm Quốc	Tâm	Nam	29/9/2001	TP.HCM	Kinh	22C2-QTM1		TOEIC 350		2,71	Khá	
12	22005613	Vũ Quý	Bảo	Nam	16/12/1999	TP.HCM	Kinh	22C2B-ANM1		TOEIC 350		2,96	Khá	
13	22004157	Nguyễn Hoàng	Chính	Nam	29/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CCK1				2,26	Trung bình	
14	22004964	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	25/6/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CCK1				2,20	Trung bình	
15	22004161	Lê Thế	Huỳnh	Nam	30/8/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CCK1		TOEIC 350		2,47	Trung bình	
16	22004163	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	26/5/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CCK1	A	TOEIC 350		2,35	Trung bình	
17	22004182	Lê Nguyễn Minh	Tường	Nam	29/9/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CCK1		TOEIC 350		2,29	Trung bình	
18	22004979	Võ Thanh Thiên	An	Nam	21/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CĐT1	A			2,25	Trung bình	
19	22005901	Trần Ngọc	Khởi	Nam	17/10/2003	TP.HCM	Kinh	22C2B-CĐT1	A	B		2,78	Khá	
20	22005896	Nguyễn Hồ Hoàng	Huỳnh	Nam	19/5/2003	TP.HCM	Kinh	22C2B-CNÔ1	A	TOEIC 350		2,13	Trung bình	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
21	22005749	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	24/11/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CNÔ1				2,45	Trung bình	
22	22005081	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	Nam	29/11/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CNÔ1				2,59	Khá	
23	22005098	Nguyễn Đoàn Nguyên	Tuấn	Nam	31/5/2003	TP.HCM	Kinh	22C2B-CNÔ1	A	TOEIC 350		2,23	Trung bình	
24	22005753	Phạm Minh Hoàng	Hoàng	Nam	17/9/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CNÔ2	A			2,33	Trung bình	
25	22005115	Ngô Nhật Tường	Huy	Nam	05/11/2001	Đắk Lắk	Kinh	22C2B-CNÔ2		TOEIC 350		2,41	Trung bình	
26	22005712	Lý Hữu Lợi	Lợi	Nam	30/3/2003	Bạc Liêu	Kinh	22C2B-CNÔ2	A			2,18	Trung bình	
27	22005562	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	19/11/2001	Tiền Giang	Kinh	22C2B-CNÔ2	A	TOEIC 350		2,17	Trung bình	
28	22005564	Tổng Duy	Vũ	Nam	14/02/2001	Quảng Ngãi	Kinh	22C2B-CNÔ2	A	TOEIC 350		2,31	Trung bình	
29	22005012	Lê Công	Thắng	Nam	03/11/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-CTM1		TOEIC 350		2,35	Trung bình	
30	22001624	Vũ Phi	Hùng	Nam	28/12/2000	Thái Bình	Kinh	22C2B-ĐCN1	A			2,39	Trung bình	
31	22005200	Huỳnh Ngọc	Phúc	Nam	08/11/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KML1	A	B		2,59	Khá	
32	22004289	Nguyễn Phúc	Thành	Nam	02/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KML1				2,57	Khá	
33	22005216	Đổng Thị	Hiền	Nữ	11/7/2004	Thanh Hoá	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,44	Trung bình	
34	22005220	Đỗ Phụng	Linh	Nữ	18/8/2004	Tiền Giang	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,55	Khá	
35	22005221	Trương Ánh	Linh	Nữ	21/6/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,40	Trung bình	
36	22005222	Trương Mỹ	Linh	Nữ	21/6/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,19	Trung bình	
37	22005225	Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	24/8/2004	Quảng Ngãi	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,15	Trung bình	
38	22005227	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Ngân	Nữ	08/5/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,66	Khá	
39	22005228	Trần Gia	Nghi	Nữ	05/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	TOEIC 350		2,58	Khá	
40	22005229	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	Nữ	09/5/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,17	Trung bình	
41	22005231	Đinh Thị	Nhi	Nữ	12/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A			2,23	Trung bình	
42	22004106	Lê Thị Mộng	Quỳnh	Nữ	31/10/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A			2,14	Trung bình	
43	22005236	Quách Võ Kim	Thanh	Nữ	04/02/2003	Tây Ninh	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,17	Trung bình	
44	22005237	Lê Huỳnh Hiếu	Thảo	Nữ	05/3/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A			2,33	Trung bình	
45	22005240	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	02/11/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,58	Khá	
46	22005241	Nguyễn Thị Ánh	Thư	Nữ	26/6/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,28	Trung bình	
47	22005243	Lê Thị Thanh	Thùy	Nữ	14/6/2004	Quảng Ngãi	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,18	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
48	22005244	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	21/3/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,41	Trung bình	
49	22005246	Phạm Thị Cẩm	Tú	Nữ	29/11/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,40	Trung bình	
50	22005247	Đinh Kim	Tuyến	Nữ	01/5/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-KTD1	A	B		2,52	Khá	
51	22005791	Chí Quang	Phú	Nam	14/12/2004	TP.HCM	Hoa	22C2B-LĐL1	A	B		2,47	Trung bình	
52	22005279	Dương Trí	Nhân	Nam	03/11/2003	TP.HCM	Kinh	22C2B-LGT1	A			2,77	Khá	
53	22005795	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	25/10/2003	TP.HCM	Kinh	22C2B-LGT1	A	TOEIC 350		2,48	Trung bình	
54	22005713	Nguyễn Tú	Uyên	Nữ	15/7/2003	TP.HCM	Kinh	22C2B-NNA1	A	Tiếng Trung		2,40	Trung bình	
55	22005816	Lê Như	Ý	Nữ	25/7/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-NNA1				2,50	Khá	
56	22005393	Lê Trần Tiêu	Mi	Nữ	02/01/2004	Đồng Tháp	Kinh	22C2B-QTD1	A	B		2,76	Khá	
57	22003750	Đinh Thị Hà	Tiên	Nữ	04/5/2004	Quảng Nam	Kinh	22C2B-QTD1				2,88	Khá	
58	22005404	Đỗ Lê Thảo	Trang	Nữ	25/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-QTD1	A	B		2,62	Khá	
59	22005673	Lê Hoàng Anh	Duy	Nam	19/12/2001	TP.HCM	Kinh	22C2B-QTM1	A	TOEIC 350		2,39	Trung bình	
60	22005865	Nguyễn Tấn	Hung	Nam	09/4/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-TKĐ1		B		2,67	Khá	
61	22005621	Đồng Ngọc Đăng	Khoa	Nam	30/7/2003	TP.HCM	Kinh	22C2B-TKĐ1		TOEIC 350		2,81	Khá	
62	22005486	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	04/3/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-TKĐ1		TOEIC 350		2,75	Khá	
63	22005873	Phạm Hà	Tâm	Nữ	10/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-TKĐ1		B		2,49	Trung bình	
64	22005493	Nguyễn Mỹ	Phương	Nữ	02/12/2004	TP.HCM	Kinh	22C2B-TKĐ1		B		2,96	Khá	
65	22000477	Lộ Phú Tấn	Phát	Nam	08/9/1999	Ninh Thuận	Chăm	22C2B-TKW1				2,47	Trung bình	

Tổng cộng có 65 sinh viên, trong đó:

Xuất sắc:	0	0,00	%
Giỏi:	1	1,54	%
Khá:	23	35,38	%
Trung bình	41	63,08	%